

MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ QUAN NIỆM VĂN HỌC CỦA Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Ngọc Bích

L.T.S. : Bài viết gồm 3 phần:

1/ Một số vấn đề về Nho giáo và Văn học nghệ thuật ở Việt nam.

2/ Nhận xét chung về tình hình chính trị xã hội và không khí văn học nghệ thuật có ảnh hưởng đến sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.

3/ Một số ý kiến về quan niệm văn học của Nguyễn Đình Chiểu.

Vì khuôn khổ tạp chí có hạn chúng tôi lược bỏ phần đầu.

2/ Nhận xét chung về tình hình chính trị xã hội và không khí văn học nghệ thuật có ảnh hưởng đến sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu:

Nửa cuối thế kỷ XIX, chế độ phong kiến nhà Nguyễn bước vào giai đoạn suy vong cùng cực. Tầng lớp thống trị trong thi thi hành chính sách chuyên chế tàn bạo, làm cho sản xuất đình đốn, đời sống của dân rơi vào cảnh đói khổ triền miên, lòng người oán than khắp nơi, ngoài thì khiếp nhược, đầu hàng. Đế quốc thực dân Pháp thừa cơ xâm lược nước ta và từng bước chúng đã biến nước ta thành thuộc địa của chúng. Tình hình xã hội đã đặt ra cho người Việt nam đương thời những vấn đề chưa từng có, buộc họ phải lựa chọn : đổi mới xã hội hay khư khư duy trì một chế độ thối nát đi đôi với thái độ khiếp nhược đầu hàng?

Cuộc đấu tranh trong việc giải quyết các vấn đề trên thực sự đã diễn ra trên các lĩnh vực văn hoá, chính trị, kinh tế đương thời. Đấu tranh trên lĩnh vực văn hoá vừa là phản ánh, vừa là cơ sở tư tưởng của các cuộc đấu tranh khác, vì vậy không thể không mang tính chất cấp bách và gay gắt. Trong những năm này có những sinh hoạt văn học nổi bật và có ý nghĩa lớn như vấn đề phê bình truyện Kiều, nhuận sắc truyện Hoa tiên (những truyện Nôm tài tử - giai nhân) và sự xuất hiện Tuồng cung đình. Thực tế văn học nghệ thuật thể hiện rõ:

- Từng bước một, hiệu quả của trào lưu nhân đạo chủ nghĩa (phát triển mạnh ở thế kỷ XVIII) bị thu hẹp, bị uốn nắn, bị sửa đổi cho phù hợp với hệ tư tưởng chính thống, với thứ Nho giáo của giai cấp thống trị. Điều đó phù hợp với những diễn biến trong thực tế lịch sử.

- Định hướng cơ bản của văn học bác học vì vậy cũng là định hướng thất trở lại cho gần hơn với quyền lợi của chế độ chuyên chế - Đó là xu hướng cố tình điều hoà những mâu thuẫn (mà trên thực tế không thể điều hoà được) giữa cá nhân và xã hội, giữa tình yêu và bốn phận...

Chính xu hướng này đã làm ngột ngạt thêm đời sống xã hội. Sau truyện Kiều, một loạt những truyện Nôm khác ra đời như Ngọc Kiều Lê, Nữ tú tài v. v...; và Nhị thập tứ

hiếu nằm trong khuynh hướng muốn tạo ra sự thăng bằng, muốn "bịt lỗ rò" mà những tác phẩm như truyện Kiều đã tạo ra. Cũng không phải ngẫu nhiên mà trong cung đình nhà Nguyễn tái sinh hiện tượng văn học cung đình như dưới triều Lê Thánh Tông: các thị xã đua nhau ra đời, vua chúa, vương công, các quan đại thần đều cầm bút để viết tụng ca ca ngợi chế độ. Tuồng cung đình với nội dung trung-hiếu-tiết-nghĩa phát triển mạnh.

- Các truyện Nôm vẫn được gọi là "bình dân" xuất hiện nhiều trong nhân dân, và niềm tin vào một kết thúc có hậu, ảo tưởng về một chế độ phong kiến lý tưởng chi phối rất sâu sắc bố cục của các tác phẩm đó.

Những kẻ hủ bại, những kẻ khiếp nhược đầu hàng đã ra sức khai thác những yếu tố duy tâm, tiêu cực, bảo thủ của truyền thống để ru ngủ tinh thần phản kháng, tinh thần chiến đấu của nhân dân, đồng thời cũng là để bào chữa cho hành vi sai trái, hành vi phản dân hại nước của họ.

Những người bất khuất, những người vì dân vì nước thì trái lại - Họ khẳng định và đề cao những hành vi dũng cảm và nghĩa hiệp, những yếu tố nhân đạo và dân chủ, tinh thần chống xâm lược bằng cách thông qua những cuộc đời, những con người được khái quát lên từ hiện thực cuộc sống. Họ làm nên dòng văn hoá lành mạnh của dân tộc. Hàng ngũ các chiến sĩ như thế thì đông đảo và mỗi người một vẻ.

Nguyễn Đình Chiểu lớn lên và chủ yếu hình thành văn tài ở Huế vào những năm như vậy (thời Minh Mệnh và Tự Đức những vấn đề mà chúng tôi trình bày ở trên rất sôi động, mà cũng chính là giai đoạn Nguyễn Đình Chiểu sống thời thanh niên, "nấu sủ sôi kinh"), và không lâu sau đó ông viết Lục Vân Tiên (khoảng 1850 trở đi). Trong một tình hình như vậy, tác giả không thể không chịu ảnh hưởng, không thể không có thái độ đối với một vấn đề lớn như vậy trong tình hình văn học nghệ thuật nói riêng và trong tình hình chính trị - xã hội nói chung.

3/ Một số ý kiến về quan niệm văn học của Nguyễn Đình Chiểu.

Như hầu hết các nhà nghiên cứu về giai đoạn cận đại đã khẳng định: giá trị tinh thần lớn nhất của dân tộc ta ở cuối thế kỷ XIX là lòng yêu nước thương dân, ý chí độc lập tự chủ và tinh thần nhân đạo chủ nghĩa - Nguyễn Đình Chiểu đã góp phần rất lớn vào việc làm nên những giá trị đó.

Tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu là tư tưởng Nho giáo - điều này không còn là một nghi ngờ, dĩ nhiên thế giới quan của ông là Nho giáo. Trong Dương Từ-Hà Mậu ông đã viết: "Học cho biết lễ quân thân, biết phần phụ tử, biết phần hiếu trung". Hoàn cảnh gia đình và xã hội hướng ông trở thành một nhà nho, bản thân ông cũng tự nguyện làm một nhà nho chân chính. Nhưng một điều hiển nhiên nữa là tư tưởng của Nguyễn Đình Chiểu còn bị một phương diện khác chi phối, đó là hiện thực xã hội sục sôi các cuộc đấu tranh lúc bấy giờ. Đó là cuộc đấu tranh của quần chúng nhân dân mà đại đa số là nông dân chống lại các thế lực phong kiến hủ bại, đòi quyền sống, quyền dân chủ, cuộc đấu tranh của dân tộc chống đế quốc xâm lược để giữ gìn độc lập cho đất nước.

Đồng chí Nguyễn Tài Thư trong bài "Nguyễn Đình Chiểu và hệ tư tưởng của dân tộc ở cuối thế kỷ XIX" đã khẳng định: "Trong sự hình thành tư tưởng của mình, Nguyễn Đình Chiểu bị 2 phương diện chi phối: hệ thống Nho và lập trường nhân dân, dân tộc. Hai phương diện đó đã tạo nên những mâu thuẫn trong ông, quy định những chiều hướng phát triển tư tưởng khác nhau ở ông. Nhưng ở Nguyễn Đình Chiểu, khổ khăn đã được khắc phục, mâu thuẫn đã được giải quyết. Ở đó đã có sự thống nhất giữa Nho giáo và tư tưởng dân tộc, dân chủ; ở đó có những khái niệm, những phạm trù, những cách nói của Nho giáo, song nội dung lại là lòng yêu nước thương dân. Nguyễn Đình Chiểu đã lồng một nội dung mới vào các khái niệm và phạm trù cũ, làm cho chúng mang những tính chất mới".

Chúng tôi thấy những ý kiến này hợp lý và trong việc tìm hiểu quan niệm văn học của Nguyễn Đình Chiểu chúng tôi cũng theo chiều hướng này, bởi vì với tư tưởng đó, khi đi vào sáng tác văn học hiển nhiên cũng có những "đàn hồi" nhất định. Chúng tôi chủ yếu dựa vào tác phẩm Lục Vân Tiên - một sáng tác tiêu biểu của Nguyễn Đình Chiểu, và một số sáng tác sau đó của ông để đánh giá.

Như chúng ta đã biết, mở đầu tác phẩm Lục Vân Tiên - "Tuyên ngôn văn học" đầu tay của mình, Nguyễn Đình Chiểu đã viết, đã khẳng định:

"Trai thời trung hiếu làm đầu

Gái thời tiết hạnh làm câu trau mình"

và trong suốt tác phẩm, Nguyễn Đình Chiểu đã thể hiện tuyên ngôn đó khá linh hoạt. Cái "văn dĩ tải đạo" ở tác phẩm rất phù hợp với lòng người và được nhân dân nhất là nhân dân Nam bộ vô cùng yêu thích. Mặc dù tuyên ngôn đó là Nho và các nhân vật chính diện trong tác phẩm đã làm sáng tỏ tuyên ngôn đó nhưng người đọc không hề cảm thấy tính chất kinh viện cằn cỗi mà vẫn cảm thấy gần gũi, gần gũi vì nó thực. Trong bài viết "Xác định giá trị tác phẩm Lục Vân Tiên trong hệ thống truyện Nôm" ⁽¹⁾, chúng tôi đã phân tích và khẳng định: " Ở tác phẩm Lục Vân Tiên, Nguyễn Đình Chiểu đã châm chước và tổng kết được những đòi hỏi của văn học thế kỷ 18 - nửa đầu thế kỷ 19 với đạo đức Nho giáo và đạo lý dân gian. Nguyễn Đình Chiểu đã uốn nắn, sửa chữa, đổi thay. Trong tâm thức mình, khi sáng tác truyện nôm Lục Vân Tiên - tuyên ngôn lớn đầu tiên của mình, hẳn ông muốn bộc lộ lý tưởng, hoài bão của mình, ông muốn tạo lập một chuẩn mực mới, một bảng giá trị mới thiết thực hơn, cả cho triều đình phong kiến, cả cho những người "dân ấp dân lân" quanh ông. Bản thân hình tượng Lục Vân Tiên mang đậm những nét đó. Tác phẩm vừa hiện thực, vừa trữ tình mà vừa có tính chất giáo huấn rõ nét... Lục Vân Tiên là hình tượng chuyển tiếp từ con người hào hoa phong nhã tài-tình-sắc sang con người có trách nhiệm vì nước, vì dân, vì đạo nghĩa - con người đạo nghĩa kiêm toàn nhân-trí-dũng. Ở một ý nghĩa hết sức quan trọng, việc đề cao lễ làm người, đề cao bốn phận phản ánh một tinh thần vị đạo nghĩa, vị tha sâu sắc, có tác dụng lớn khi xác định trách nhiệm của con người trước xã hội, trước lịch sử, góp phần phê phán có hiệu quả tính vị kỷ đang tràn ngập trong đời sống xã hội lúc đó, nhất là trong giai cấp thống trị. Tinh thần ấy vào thời kỳ chống Pháp sau đó đã phục

(1) Nguyễn Ngọc Bích: Kỳ yếu hội nghị KH về Nguyễn Đình Chiểu nhân kỷ niệm lần thứ 160 ngày sinh của nhà thơ. Sở VH TT Bến Tre xuất bản, 1983.

vụ đặc lực cho cuộc đấu tranh đang yêu cầu sự hy sinh quên mình vì nghĩa lớn, vì hạnh phúc cộng đồng. Thái độ của các văn thần, của vua ông, và cả Nguyễn Đình Chiểu với việc đề cao người nghĩa binh và lãnh tụ của họ là sự tiếp tục tự nhiên của chủ đề này trong hoàn cảnh lịch sử thay đổi. Một giai đoạn sục sôi như giai đoạn Nguyễn Đình Chiểu viết Lục Vân Tiên, và nhất là sau này, khi Nam Bộ trở thành tuyến đầu đối chọi với xâm lược Pháp, thì chính Lục Vân Tiên, Hớn Minh, Từ Trục... chứ không còn là những Kim Trọng, Phạm Kim, Lương Sinh... trở thành "mẫu người thời đại"...

Rõ ràng ngay từ tác phẩm Lục Vân Tiên, cái "đạo" đã được nói rộng và nâng cao. Nó không chỉ "tái đạo" quân thần phụ tử mà còn có một đạo cao hơn là đạo làm người trung nghĩa với nước với dân, là lòng thương yêu, cứu mạng và cứu vớt những người nghèo khổ, những người hoạn nạn, là tấm lòng vì tha, hết lòng vì người, không quản đến mình, xả thân vì nghĩa.

Từ chỗ:

"Nhớ câu kiến nghĩa bất vi
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng"
(Lục Vân Tiên)

Đến chỗ:

"Giúp người chẳng vụ tiếng danh
Chẳng màng của lợi chẳng gan ghê tài"
(Ngư tiều vấn đáp y thuật)

và là lòng hăng hái:

"Mến nghĩa làm quân chiếu mặt"
(Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc)

không quản hy sinh cho "nước nhà ta" chứ không chỉ vì "cần ơn chúa", để cuối cùng khẳng định và ca ngợi một chân lý vốn có trong truyền thống Việt nam mỗi khi có giặc ngoại xâm: "Sống đánh giặc, thác cũng đánh giặc; sống không phụ nghĩa nước tình nhà..."

(Văn tế nghĩa sĩ Cần giuộc)

Tổng kết này là sự vượt lên những mâu thuẫn, những băn khoăn trăn trở trong thế giới quan của Nguyễn Đình Chiểu. Nguyễn Đình Chiểu bắt đầu từ chỗ thông qua lễ quân thần, đạo vua tôi, đường trung hiếu, nghĩa báo ơn để kích thích tinh thần vì đạo nghĩa, đánh giặc cứu nước.

Trong "Ngư tiều vấn đáp y thuật", Nguyễn Đình Chiểu đã từng có những ngờ vực:

"Xe ngựa lao xao giữa cõi trần
Biết ai quân tử biết ai thần"

và có những lúc đã cảm thấy bế tắc:

"Đã cam chút phận dở dang
"Trí quân" hai chữ mơ màng năm canh

Đã cam lời với thương sinh

"Trạch dân" hai chữ lưỡng doanh ở lòng"

Bởi khi giặc Pháp xâm lược, triều đình đã phó mặc đất nước vào tay giặc và đẩy d vào cảnh "mất ở bầy chim cáo dác bay" thì trung quân đã mâu thuẫn với ái quốc. Việc li của vua quan triều đình trái với ý dân, hành vi của quân vương đã phản lại lợi ích của nước. Nếu cứ quẩn quanh trong vòng trung quân mù quáng hoặc buồn nản ần dật thì h chúng ta không có ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu - một ngôi sao càng nhìn càng sáng tr bầu trời phương Nam, bầu trời Việt nam. Nhà thơ mù có đủ quyền để nghỉ ngơi như ông đã vượt lên khỏi những mất mát riêng tư, đến với những nghĩa binh và sống vì nhữ con người "dân ấp dân lân" đầy hào khí. Ông đã dùng văn thơ của mình phục vụ đắc l cho cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Ông đã quay ra ca ngợi những con người vì nư vì dân như Trương Định, Phan Tôn, ...ca ngợi những người "dân ấp dân lân mến ngh làm quân chiêu mộ" quanh ông. Chính những bài văn tế những con người vì dân vì nư bi hùng và chân thực này đã làm cho thơ văn ông trở nên bất diệt.

Từ Lục Văn Tiên - cho đến những bài văn tế hết sức nổi tiếng của mình Nguyễn Đình Chiểu đã làm cho quan niệm văn học Nho gia của mình có những điểm mở rộng - làm rung động lòng người. Thực chất hai giai đoạn sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu n nhiều nhà nghiên cứu chúng ta vẫn chia (trước và sau khi Pháp xâm lược) là sự phát triể tất yếu, liên tục của một quan niệm văn học tiến bộ, tích cực. Cái lõi của quan niệm n vẫn là Nho, là "tái đạo", nhưng đây đúng như Nguyễn Đình Chiểu tuyên bố:

"Chở bao nhiêu đạo thuyền không khẳm

Đâm mấy thằng gian bút chẳng tà"

Con thuyền văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu dường như quá tải so với quan niệ truyền thống, nhưng quá là nó đã "không khẳm" mà nó đã chèo chống một cách kiên cường qua bao sóng gió của giai đoạn cận đại để đưa các tác phẩm văn học của ông đến đỉnh ca của thời đại. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu đã gắn bó với giai đoạn nước sôi lửa bỏng của dân tộc nơi tuyến đầu Tổ quốc. Lục Văn Tiên - Kiều Nguyệt Nga trở thành mẫu mực và rất ruột thịt với người dân Nam bộ nói riêng và dân tộc Việt Nam anh hùng, vị tha, thu chung nói chung. Những bài văn tế bi hùng của ông đã thúc đẩy những người "dân ấp dâ lân" vùng dậy một sống một chết với giặc và quyết tâm "sống đánh giặc - thác cũng đán giặc". Phải nói rằng điều này rất truyền thống mà cũng rất hiện đại. Quan niệm văn hợ của Nguyễn Đình Chiểu cả về nội dung và hình thức đều trở nên sống động se với qua niệm truyền thống. Nguyễn Đình Chiểu đã làm cho tác phẩm của mình có đủ tầm cỡ vớ dân tộc, đưa văn học Nam bộ hoà nhập vào dòng văn học dân tộc và đã tiếp cận một cách đầy tự hào với thời hiện đại.

Những điểm tiến bộ trong quan niệm văn học của Nguyễn Đình Chiểu đã khiến ch sự nghiệp văn thơ của ông sống mãi và xứng đáng là gạch nối vẻ vang của giai đoạn cậ đại với nền văn học cách mạng hiện đại sau đó. Ông đã làm cho văn chương của mình làn

tròn sứ mạng lịch sử nhất định đối với dân tộc, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của dân tộc. Nguyễn Đình Chiểu thực sự xứng đáng là cờ đầu của văn thơ yêu nước và quả là một hiện tượng phục hưng văn hoá Việt. Văn thơ của ông gắn với hiện thực đấu tranh của quần chúng, vì vậy mà nó có giá trị bất diệt, trường tồn. Từ hiện tượng Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta có thể dễ dàng nhìn ngược lại, hình dung ra vì sao văn học dân tộc trong quá khứ - Những nhà văn, nhà thơ vĩ đại đã biết vận dụng một cách uyển chuyển quan niệm văn học Nho gia, gắn nó với đời sống của nhân dân, dân tộc trong những hoàn cảnh đặc định và vì vậy mà sống mãi. Đồng thời ở đây chúng ta cũng tránh được phương pháp áp đặt lý luận hiện đại để nghiên cứu văn học cổ.

QUA KHẢO SÁT QUÁN TRẦN VŨ suy nghĩ về một số sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của người Hà Nội.

Bác sĩ Văn Chi

Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Trấn Vũ canh gà Thọ Xương

Mịt mù khói toả ngàn sương

Nhịp chày Yên Thái mặt gương Tây Hồ

Tiếng chuông Trấn Vũ, Hồ Tây và những làng nghề truyền thống là những nét tiêu biểu của Hà Nội xưa. Đó cũng là lý do chúng tôi chọn quán Trấn Vũ để khảo sát khi tìm hiểu về sinh hoạt văn hoá tín ngưỡng của người Hà Nội.

Quán Trấn Vũ - Đền Quan Thánh hay chùa Trấn Vũ đều là những tên gọi khác nhau của một kiến trúc tôn giáo nằm ở phía Bắc kinh đô Thăng Long xưa (nay là cuối đường Quan Thánh, đầu đường Thanh Niên) bên cạnh Hồ Tây, một trong những nơi có phong cảnh đẹp nhất vùng.

Là đền, là quán hay là chùa - chỉ riêng điều đó đã nói lên nét đặc biệt trong tín ngưỡng của người Việt nam nói chung hay của người Hà Nội nói riêng.

I. VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ XÂY DỰNG:

Theo các sách *Lĩnh nam chích quái*, *Chân Vũ quán lục*, *Hà Thành linh tinh cổ lục*, *Tây Hồ chí* cũng như bia *Chân Vũ quán thạch bi* (1) thì quán Trấn Vũ (tên gọi chính thức và cổ nhất) được xây dựng từ thời Lý Thái Tổ (1010), nghĩa là nó có cùng tuổi với Kinh đô Thăng Long. Tuy nhiên lúc đầu nó chỉ là một ngôi đền nhỏ được dựng bên bờ Hồ Tây để trừ yêu quái.